TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST
Ngày: 17/10/2019
V/v tranh chấp dân sự, đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;

2. Ông Lưu Huỳnh Quang Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2019 về *"Tranh chấp dân sự, đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L (C), sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 5, khóm Q, phường C, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Đinh Thị Kim L, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ 11, khóm T, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim L (C) trình bày:

Ngày 15/5/2011, nguyên đơn cho bị đơn bà Đinh Thị Kim L vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay dùng để kinh doanh mỹ phẩm và các mặt hàng tiêu dùng. Khi vay bị đơn có làm biên nhận nợ. Sau khi vay, bị đơn có trả lãi được 03 tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng thì ngưng.

Năm 2012, bị đơn bỏ địa phương đi Sài Gòn một thời gian, sau đó về Kênh Đào sinh sống. Năm 2016, chồng bị đơn bị bệnh, nguyên đơn thấy hoàn cảnh bị đơn khó khăn nên nguyên đơn không khởi kiện.

Đầu năm 2019, biết bị đơn có chỗ ở ổn định tại tổ 11, khóm T, phường B, thành phố D nên nguyên đơn khởi kiện.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án biên nhận ghi ngày 15/5/2011 có chữ ký và chữ viết của bị đơn (bản chính).

Bị đơn bà Đinh Thị Kim L trình bày: Ngày 15/5/2011, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay là vài tháng, khi vay tiền thì bị đơn có viết biên nhận nợ cho nguyên đơn. Bị đơn xác định biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là đúng chữ ký và chữ viết của bị đơn. Đồng thời, bị đơn xác định đã trả xong số tiền vay cho nguyên đơn trong năm 2011, trả nhiều lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, có lần trả 10.000.000 đồng. Nay, nguyên đơn khởi kiện, bị đơn không đồng ý; yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay giữa bị đơn và nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đối chất, lấy lời khai người làm chứng và yêu cầu các đương sự cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ như bị đơn trình bày.

Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa,

Các đương sự xác định không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

Nguyên đơn có lời khai cho biết, lãi suất khi cho vay là 3%/tháng, bị đơn có trả lãi vay được 3 tháng, số tiền là 4.500.000 đồng; nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần vốn gốc, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận từ bị đơn vào phần vốn gốc và không yêu cầu tính lãi đối với hợp đồng vay mà nguyên đơn đã xác lập với bị đơn. Cụ thể, nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện đòi lại bị đơn số tiền vốn gốc còn lại là 45.500.0000 đồng (đã khấu trừ số tiền lãi đã nhận 4.500.0000 đồng).

Bị đơn không đồng ý việc nguyên đơn khởi kiện, xác định đã trả xong nợ vay và yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, cho rằng nếu bị đơn chưa trả nợ vì sao đến thời điểm này nguyên đơn mới khởi kiện đòi.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi tắt là BLTTDS).

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật giải quyết, tại phiên tòa nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã mượn (vay không lãi) theo biên nhận ghi ngày 15/5/2011, không yêu cầu tính lãi. Do đó, đề nghị xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi tài sản.

Về thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp và được bị đơn thừa nhận, có căn cứ xác định bị đơn có vay không lãi của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã thanh toán xong nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại số tiền đã vay và còn nợ là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 158, 166 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ghi ngày 11/6/2019, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật quy định kể từ khi vay cho đến nay nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật tranh chấp là vay tài sản. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mà bị đơn đã hỏi mượn theo biên nhận ghi ngày 15/5/2011, không yêu cầu tính lãi và đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 4.500.000 đồng từ bị đơn. Từ đó, thấy rằng cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi tài sản như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền mà bị đơn đã mượn theo biên nhận ghi ngày 15/5/2011. Đồng thời bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 11, khóm T, phường B, thành phố D nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 155 Bộ

luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thẩm quyền pháp luật quy đinh.

Về nội dung:

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có xác lập hợp đồng vay số tiền 50.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận khi vay các bên có lập biên nhận ghi ngày 15/5/2011 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và cho rằng đã thanh toán xong số tiền vay nêu trên cho nguyên đơn trong năm 2011 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

[5] Khoản 1 Điều 91 BLTTDS quy định: *Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*; đồng thời khoản 4 Điều 91 BLTTDS cũng quy định: *Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*. Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng bị đơn khai là đã thanh toán xong số tiền 50.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, chỉ đưa ra luận cứ cho rằng: Nếu thật sự bị đơn không trả tiền thì tại sao đến thời điểm này nguyên đơn mới khởi kiện đòi. Do đó, đối với lời khai của bị đơn về việc xác định đã thanh toán xong cho nguyên đơn là không có căn cứ xem xét, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết.

[6] Xem xét chứng cứ là biên nhận ghi ngày 15/5/2011 do nguyên đơn cung cấp, có nội dung thể hiện: "*Thành Lễ có mượn của C số tiền 50.000.000 (năm chục triệu chẵn)*". Đồng thời, trong quá trình tố tụng bị đơn cũng thừa nhận có hỏi vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng như nội dung biên nhận thể hiện và xác định chữ ký tên trên biên nhận là của bị đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại số tiền đã vay còn nợ 45.500.000 đồng (đã khấu trừ 4.500.000 đồng mà nguyên đơn khai đã nhận của bị đơn) là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166, Điều 351 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

[7] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tính lãi chậm trả nên không xem xét trong vụ án.

[8] Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 45.500.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166, 351, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Đinh Thị Kim L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim L (C) 45.500.000 (*Bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền 1.250.000 (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số TU/2017/0008090 ngày 26/6/2019.

Bà Đinh Thị Kim L phải chịu 2.275.000 (*Hai triệu hai trăm bảy mươi năm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm